

Số: 12 /2020/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2020 và thay thế Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định mức thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./*er*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, VX, XD, NC. *(16b)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)
Lê Văn Hiều



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Chủ sở hữu và cơ quan quản lý công trình thủy lợi; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (giá không có thuế giá trị gia tăng), như sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Giá cụ thể
1	Đất trồng lúa		
1.1	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	1.055.000
1.2	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	292.800
1.3	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	512.400
1.4	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	824.000
2	Đất trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày (Giá cụ thể bằng 40% đất trồng lúa)		
2.1	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	422.000
2.2	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	117.120
2.3	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	204.960
2.4	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	329.600
3	Đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu (Giá		

	cụ thể bằng 80% đất trồng lúa)		
3.1	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	844.000
3.2	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	234.240
3.3	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	409.920
3.4	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	659.200
4	Đất nuôi thủy sản	Đồng/m ² mặt thoáng/năm	125
5	Đất làm muối		02% giá trị muối thành phẩm
6	Cấp nước cho chăn nuôi		
6.1	Bằng biện pháp công trình bơm	Đồng/m ³	1.320
6.2	Bằng biện pháp công trình kênh cống	Đồng/m ³	900

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương, các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu